

Số: 30/2024/NQ-HĐND

Bắc Giang, ngày 06 tháng 6 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Quy định một số nội dung liên quan đến lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG
KHOÁ XIX, KỲ HỌP THỨ 17**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở ngày 28 tháng 11 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 40/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở;

Xét Tờ trình số 182/TTr-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết quy định tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự; tiêu chí số lượng, một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

2. Đối tượng áp dụng

Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở thôn, tổ dân phố được Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) quyết định công nhận theo quy định của Luật Lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở số 30/2023/QH15 ngày 28/11/2023 của Quốc hội và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Tiêu chí thành lập và tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Tiêu chí thành lập Tổ bảo vệ an ninh, trật tự: Mỗi thôn, tổ dân phố thành lập 01 Tổ bảo vệ an ninh, trật tự.

2. Tiêu chí số lượng thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

a) Đối với thôn, tổ dân phố có từ 500 hộ trở lên; thôn, tổ dân phố thuộc địa bàn trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự: Bố trí 05 thành viên.

b) Đối với thôn có từ 350 hộ đến dưới 500 hộ: Bố trí 04 thành viên.

c) Đối với thôn, tổ dân phố còn lại: Bố trí 03 thành viên.

Điều 3. Trang bị cho Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Hằng năm, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu theo định mức quy định của Chính phủ.

2. Ngoài danh mục trang cấp theo quy định của Bộ Công an, Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được trang bị biển hiệu, giấy chứng nhận, đèn pin, còi, bút, sổ công tác, cặp đựng tài liệu để thực hiện nhiệm vụ (chi tiết tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết này).

Điều 4. Tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết

1. Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ kinh phí khi tham gia tập huấn, diễn tập, hội thi và sơ kết, tổng kết do cấp tỉnh tổ chức; mức chi thực hiện theo các văn bản quy định hiện hành.

2. Khi được cử đi tập huấn, diễn tập, hội thi thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ bồi dưỡng bằng mức tiền ăn cơ bản hằng ngày của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

Điều 5. Một số chế độ, chính sách đối với thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự

1. Mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng

a) Tổ trưởng 0,9; Tổ phó 0,45; Tổ viên 0,33 (Hệ số so với mức lương cơ sở).

b) Tổ trưởng, Tổ phó Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được bổ nhiệm làm Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng được hưởng mức hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này và được hưởng mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng theo quy định tại Nghị quyết số 22/2022/NQ-HĐND ngày 12/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức hỗ trợ thường xuyên hằng tháng cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó Đội Dân phòng trên địa bàn tỉnh.

2. Hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm y tế

a) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Nghị định số 134/2015/NĐ-CP ngày 29/12/2015 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật bảo hiểm xã hội về bảo hiểm xã hội tự nguyện và điểm c khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 60/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định mức hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế cho người thuộc hộ cận nghèo, người thuộc hộ gia đình làm nông, lâm nghiệp có mức sống trung bình và bảo hiểm xã hội tự nguyện từ nguồn ngân sách địa phương, giai đoạn 2022-2025.

b) Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự được hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế bằng 0,03 (Hệ số so với mức lương cơ sở).

3. Khi làm việc từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ sáng ngày hôm sau, ngày nghỉ, ngày lễ theo quyết định huy động của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, khi thực

hiện công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật về lao động thì được hưởng mức tiền bồi dưỡng bằng 30.000đ/người/buổi, nhưng không quá 180.000đ/người/tháng; trong trường hợp cần thiết phải huy động thêm số buổi để giải quyết tình hình an ninh, trật tự, Trưởng Công an cấp xã báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp quyết định.

4. Khi làm nhiệm vụ tại những nơi thuộc miền núi, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số hoặc tại đơn vị hành chính cấp xã trọng điểm, phức tạp về an ninh, trật tự, quốc phòng được hưởng mức tiền bồi dưỡng ngày công lao động tăng thêm theo quy định của pháp luật về hướng dẫn thực hiện chế độ phụ cấp khu vực.

5. Khi được điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ ngoài địa bàn phụ trách (địa bàn cấp huyện, cấp xã khác trong tỉnh) thì được cơ quan điều động, huy động, cử đi thực hiện nhiệm vụ hỗ trợ phương tiện đi lại, hỗ trợ ăn, nghỉ trong thời gian làm nhiệm vụ bằng mức hỗ trợ của tỉnh khi huy động Dân quân tự vệ.

6. Nếu chưa tham gia bảo hiểm y tế mà bị ốm đau, bị tai nạn, bị thương khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng chi phí khám bệnh, chữa bệnh như mức hưởng bảo hiểm y tế cho hạ sĩ quan Công an nhân dân đang công tác trong lực lượng Công an nhân dân và được hỗ trợ tiền ăn hàng ngày trong thời gian điều trị nội trú đến khi ổn định sức khỏe ra viện bằng mức tiền ăn cơ bản hàng ngày của chiến sĩ nghĩa vụ Công an nhân dân.

7. Nếu chưa tham gia bảo hiểm xã hội mà bị tai nạn, chết khi thực hiện nhiệm vụ thì được hưởng:

a) Trường hợp bị tai nạn phải điều trị tại bệnh viện (kể cả vết thương tái phát) thì được hưởng như quy định tại khoản 6 điều này. Nếu tai nạn làm suy giảm khả năng lao động 5% thì được hưởng trợ cấp một lần 7.450.000đ; nếu suy giảm lớn hơn 5% thì cứ tăng 1% được hưởng thêm 750.000đ. Tỷ lệ suy giảm khả năng lao động được xác định theo Kết luận của Hội đồng giám định y khoa.

b) Trường hợp bị tai nạn dẫn đến chết: Thân nhân được trợ cấp tiền tuất bằng 53.640.000đ; người tổ chức mai táng được nhận tiền mai táng phí bằng 14.900.000đ.

8. Thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở là “Người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố” được kiêm nhiệm và hưởng chế độ kiêm nhiệm theo Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

Điều 6. Nguồn kinh phí bảo đảm

1. Ngân sách Trung ương, ngân sách cấp tỉnh đảm bảo kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện theo quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 5 Nghị quyết này.

2. Ngân sách cấp tỉnh bảo đảm kinh phí chi trả mức hỗ trợ thường xuyên hàng tháng, kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm y tế đối với các huyện (trừ thành phố Bắc Giang và thị xã Việt Yên); kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ

bảo vệ an ninh, trật tự và kinh phí tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết do cấp tỉnh tổ chức.

3. Ngân sách thành phố Bắc Giang và ngân sách thị xã Việt Yên bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ chính sách đối với Tổ bảo vệ an ninh, trật tự quy định tại Nghị quyết này (trừ kinh phí hỗ trợ đóng bảo hiểm xã hội tự nguyện thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều này; kinh phí trang bị trang phục, huy hiệu, phù hiệu cho thành viên Tổ bảo vệ an ninh, trật tự và kinh phí tập huấn, diễn tập, hội thi, sơ kết, tổng kết cấp tỉnh tổ chức do ngân sách cấp tỉnh bảo đảm).

Ngân sách các huyện còn lại bảo đảm kinh phí thực hiện các chế độ, chính sách quy định tại khoản 2 Điều 3; khoản 3, 4, 5, 6, 7 Điều 5 Nghị quyết này.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Nghị quyết này bãi bỏ chức danh, mức phụ cấp đối với Trưởng ban Bảo vệ dân phố ở phường tại Điều 2 và chức danh, mức phụ cấp đối với Công an viên bán chuyên trách ở thôn, tổ dân phố thuộc xã, thị trấn (Bảo vệ dân phố thuộc phường) tại Điều 4 Nghị quyết số 81/2023/NQ-HĐND ngày 13/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định một số nội dung liên quan đến người hoạt động không chuyên trách ở xã, phường, thị trấn và ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia hoạt động ở thôn, tổ dân phố trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

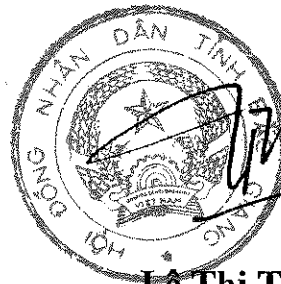
3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Giang Khóa XIX, Kỳ họp thứ 17 thông qua ngày 06 tháng 6 năm 2024 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2024. /.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ;
- Cục kiểm tra VBQPPL/Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế/Bộ Tài chính;
- Vụ pháp chế/Bộ Nội vụ;
- Cục PC&CCHC, TP/Bộ Công an;
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Giang;
- Ủy ban MTTQ VN và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Các cơ quan, sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khóa XIX;
- Thường trực: Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy, HĐND; UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các tổ chức xã hội-nghề nghiệp tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin, Văn phòng UBND tỉnh;
- Lãnh đạo, chuyên viên VPĐoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.


CHỦ TỊCH



Lê Thị Thu Hồng

PHỤ LỤC

Trang bị phương tiện, thiết bị cho Tổ bảo vệ ANTT ở cơ sở
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 30/2024/NQ-HĐND ngày 06/6/2024 của HĐND tỉnh)



TT	Trang bị	ĐVT	Tiêu chuẩn	Niên hạn (năm)	Ghi chú
1	Đèn pin ĐL14	Cái	01	01	
2	Còi	Cái	01	01	
3	Sổ công tác	Quyển	01	01	
4	Bút	Cái	12	01	
5	Cặt đựng tài liệu	Cái	01	03	

